In Ngày 08/11/2012

Ngày 27 Tháng 12 Năm 2012

Cán Bộ Coi Thi 1 _____ *Cán Bộ Coi Thi 2* _____

Xác nhận của Bộ Môn _____ Cán Bộ Chấm Thi 1 _____ Cán Bộ Chấm Thi 2 _____

In Ngày 08/11/2012

Nguyễn Ngọc Thy

Đinh Quang Vinh

TP.HCM, Ngày 08 tháng 11 năm 2012

Danh Sách Sinh Viên Dự Thi

Điểm thi học kỳ

Môn Học/Nhóm **Rèn nghề 1- Trắc địa bản đồ ĐC (209901) - 01** Số Tín Chỉ: 1

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Tên lớp	Số Tờ	Đ.Số	Điểm Chữ	Chữ Ký	Ghi Chú
117	10124178	TRẦN THẠCH	THẢO	29/12/92	DH10QL		2	Hai		
118	10124182	LÊ CHÍ	THÂM	/ /90	DH10QL		2	Hai		
119	10124185	TRẦN VĂN	THI	25/11/90	DH10QL		7	Bảy		
120	10124190	TRƯƠNG HỮU	THỌ	24/10/92	DH10QL		5	Năm		
121	10124189	HOÀNG THỊ	THOA	11/01/92	DH10QL		6	Sáu		
122	10124192	LÊ HOÀI	THU	31/12/92	DH10QL		6	Sáu		
123	10124193	NGUYỄN HOÀI	THU	04/09/92	DH10QL		5	Năm		
124	10124194	NGUYỄN THỊ THU	THỦY	07/03/91	DH10QL		5	Năm		
125	10124200	PHẠM LÊ ANH	THƯ	02/07/92	DH10QL		5	Năm		
126	10124201	LÃ VĂN	THƯƠNG	25/08/92	DH10QL		2	Hai		
127	10124202	TRỊNH THỊ	THƯƠNG	19/05/92	DH10QL		5	Năm		
128	10124205	PHẠM NGỌC	TIẾN	30/11/92	DH10QL		1	Một		
129	10124211	LÊ THỊ	TRANG	23/11/91	DH10QL		5	Năm		
130	10124213	NGUYỄN HOÀNG KIỀU	TRANG	04/12/92	DH10QL		5	Năm		
131	10124214	NGUYỄN LÊ ĐÀI	TRANG	15/09/92	DH10QL		5	Năm		
132	10124215	NGUYỄN THỊ THÙY	TRANG	18/09/92	DH10QL		5	Năm		
133	10124216	PHẠM THỊ MỸ	TRANG	06/06/92	DH10QL		5	Năm		
134	10124222	TRẦN BẢO	TRIỂN	14/01/92	DH10QL		2	Hai		
135	10124224	LÊ THỊ ÁI	TRINH	10/03/92	DH10QL		2	Hai		
136	10124228	TRẦN THỊ THANH	TRÚC	28/08/92	DH10QL					Vắng
137	10124226	HUỲNH CHÍ	TRUNG	30/10/92	DH10QL		5	Năm		
138	10124227	NGUYỄN THÀNH	TRUNG	11/12/92	DH10QL		1	Một		
139	10124229	LÊ THỊ ANH	TRÚT	12/01/92	DH10QL		5	Năm		
140	10124230	HUỲNH TRỌNG	TRƯỜNG	04/09/92	DH10QL		5	Năm		
141	10124232	TRẦN HUỲNH NHẬT	TRƯỜNG	19/01/92	DH10QL		2	Hai		
142	10124236	NGUYỄN NGỌC	TUYỀN	08/12/92	DH10QL		6	Sáu		
143	10124237	NGUYỄN THỊ BÍCH	TUYỀN	01/10/92	DH10QL		2	Hai		
144	10124239	NGUYỄN THỊ KIM	TUYẾN	09/07/92	DH10QL		1	Một		
145	10124245	NGUYỄN THỊ THÙY	VÂN	18/12/92	DH10QL		6	Sáu		
146	10124247	NGUYỄN THỊ	VẸN	26/05/92	DH10QL		5	Năm		
147	10124248	PHAN THỊ YẾN	VI	13/11/92	DH10QL		5	Năm		
148	10124250	NGUYỄN THÀNH	VINH	06/04/88	DH10QL		3	Ba		
149	10124251	HOÀNG TRỌNG	VŨ	11/09/92	DH10QL		1	Một		
150	10124254	HỒ ÁI	VY	29/09/92	DH10QL		5	Năm		
151	10124256	NGUYỄN THỊ HẢI	YẾN	03/12/92	DH10QL		5	Năm		
152	10124258	VÕ THỊ KIM	YẾN	02/01/92	DH10QL		6	Sáu		

Danh Sách Sinh Viên Dự Thi

Điểm thi học kỳ

Môn Học/Nhóm **Rèn nghề 1- Trắc địa bản đồ ĐC (209901) - 01** Số Tín Chỉ: **1**

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Tên lớp	Số Tờ	Đ.Số	Điểm Chữ	Chữ Ký	Ghi Chú
77	10124276	HOÀNG THANH	LIÊM	15/04/91	DH10QL		3	Ba		
78	10124086	NGUYỄN THANH	LIÊM	/ /92	DH10QL		6	Sáu		
79	10124092	HUỲNH THỊ THÙY	LINH	21/10/92	DH10QL		2	Hai		
80	10124272	HUỲNH VŨ BẢO	LINH	01/01/92	DH10QL		5	Năm		
81	10124093	NGÔ DUY	LINH	18/07/91	DH10QL		5	Năm		
82	10124096	NGUYỄN THỊ	LINH	12/10/92	DH10QL		2	Hai		
83	10124101	PHẠM THỊ BÍCH	LOAN	18/09/92	DH10QL		5	Năm		
84	10124102	LỮ THẾ	LONG	26/08/92	DH10QL		5	Năm		
85	10124105	LÊ NGỌC	LỢI	30/12/89	DH10QL		2	Hai		
86	10124110	LÊ ĐỨC	MẠNH	01/11/92	DH10QL		7	Bảy		
87	10124111	VÕ ĐỨC	MẾN	03/05/92	DH10QL		5	Năm		
88	10124114	ĐINH NGỌC	MINH	02/12/92	DH10QL		5	Năm		
89	10124115	TRẦN THỊ	MINH	21/03/92	DH10QL		2	Hai		
90	10124116	NGUYỄN THỊ DIỄM	MƠ	22/10/92	DH10QL		5	Năm		
91	10124120	NGUYỄN HOÀI	NAM	29/02/92	DH10QL		2	Hai		
92	10124122	HOÀNG THỊ	NGA	25/01/91	DH10QL		5	Năm		
93	10124124	ĐẶNG TRƯƠNG TUYẾT	NGÂN	10/09/92	DH10QL		6	Sáu		
94	10124126	HUỲNH THỊ KIM	NGÂN	03/06/92	DH10QL		5	Năm		
95	10124127	NGUYỄN THẢO	NGÂN	15/08/92	DH10QL		5	Năm		
96	10124129	PHẠM THỊ	NGỌC	24/04/92	DH10QL		5	Năm		
97	10124130	VÕ TẤN	NGUYÊN	16/03/91	DH10QL		5	Năm		
98	10124133	HỨA THỊ NGỌC	NHÂN	12/05/92	DH10QL		8	Tám		
99	10124135	NGUYỄN YẾN	NHÂN	12/10/91	DH10QL		5	Năm		
100	10124138	NGUYỄN HỒNG	NHẬT	21/01/92	DH10QL		5	Năm		
101	10124273	LÊ THỊ	NHI	25/10/90	DH10QL		3	Ba		
102	10124139	NGUYỄN NGỌC	NHI	03/04/92	DH10QL		6	Sáu		
103	10124142	CHÂU HUỲNH	NHUNG	03/12/92	DH10QL		5	Năm		
104	10124145	NGUYỄN THỊ HOÀNG	OANH	12/01/92	DH10QL		5	Năm		
105	10124149	LÊ VĨNH	PHÚ	01/03/92	DH10QL		5	Năm		
106	10124151	LA THỊ THANH	PHÚC	28/09/92	DH10QL		5	Năm		
107	10124154	NGUYỄN NGỌC	PHƯỚC	25/03/92	DH10QL		1	Một		
108	10124158	ĐẶNG HẢI	QUANG	09/04/92	DH10QL		1	Một		
109	10124162	LÂM THỊ THU	SANG	15/07/92	DH10QL		2	Hai		
110	10124164	TRẦN THỊ THANH	SÁNG	04/08/92	DH10QL					Vắng
111	10124168	LÊ THỊ	TÂM	17/12/91	DH10QL		6	Sáu		
112	10124170	HỒ MINH	TÂN	10/05/92	DH10QL		5	Năm		
113	10124171	NGUYỄN VĂN	TÂN	06/05/92	DH10QL		7	Bảy		
114	10124181	NGUYỄN QUỐC	THÁI	16/11/92	DH10QL		5	Năm		
115	10124172	HUỲNH HOÀNG	THAO	02/04/92	DH10QL		2	Hai		
116	10124174	HUỲNH THỊ PHƯƠNG	THẢO	15/09/91	DH10QL		5	Năm		

Danh Sách Sinh Viên Dự Thi

Điểm thi học kỳ

Môn Học/Nhóm Rèn nghề 1- Trắc địa bản đồ ĐC (209901) - 01 Số Tín Chỉ: 1

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Tên lớp	Số Tờ	Đ.Số	Điểm Chữ	Chữ Ký	Ghi Chú
37	09124038	PHAN VĂN	KHỎE	20/10/91	DH09QL		5	Năm		
38	09124043	NGÔ THANH	LAI	30/07/90	DH09QL		5	Năm		
39	09124044	NGÔ TRƯỜNG	LÂM	02/10/91	DH09QL		5	Năm		
40	09124056	LƯƠNG HỒNG	NANG	29/08/90	DH09QL		5	Năm		
41	09124059	NGUYỄN ĐỨC	NGHĨA	05/11/91	DH09QL		5	Năm		
42	09124062	NGUYỄN THỊ BÍCH	NGỌC	17/06/91	DH09QL		5	Năm		
43	09124082	LÊ THỊ NGỌC	THANH	22/06/91	DH09QL		5	Năm		
44	09124095	NGÔ THANH	THỦY	24/09/91	DH09QL		5	Năm		
45	09124114	PHAN VĂN	TƯỜNG	22/02/90	DH09QL		5	Năm		
46	09124118	NGUYỄN QUỐC	VIỆT	14/05/89	DH09QL		5	Năm		
47	10124011	HUỲNH THỦY	ÁI	21/01/92	DH10QL		5	Năm		
48	10124005	LÊ NGỌC	ANH	11/09/91	DH10QL		5	Năm		
49	10124010	VŨ TUẤN	ANH	20/10/91	DH10QL		3	Ba		
50	10124015	BÙI QUỐC	BẢO	14/03/92	DH10QL		1	Một		
51	10124023	VŨ HOÀNG	DIỄM	05/01/92	DH10QL		5	Năm		
52	10124025	CỦ THANH	DUNG	24/10/91	DH10QL		5	Năm		
53	10124032	TRẦN TIẾN	DŨNG	20/01/90	DH10QL		7	Bảy		
54	10124033	TRẦN VĂN	DŨNG	10/02/86	DH10QL		1	Một		
55	10124031	NGUYỄN THỊ KIM	DUYÊN	15/10/92	DH10QL		6	Sáu		
56	10124039	ĐẶNG HỒNG	ĐỨC	28/02/92	DH10QL		1	Một		
57	10124043	LÊ THỊ THU	HÀ	05/10/92	DH10QL		5	Năm		
58	10124045	LÊ THỊ MỸ	HẠNH	18/11/88	DH10QL		5	Năm		
59	10124046	TRẦN MỸ	HẠNH	12/07/92	DH10QL		6	Sáu		
60	10124047	TRƯƠNG VĂN	HẠNH	06/06/92	DH10QL		2	Hai		
61	10124051	TRẦN VŨ	HẬN	10/05/90	DH10QL		6	Sáu		
62	10124054	PHAN THỊ THÚY	HIỀN	22/05/92	DH10QL		5	Năm		
63	10124055	BÙI ĐỨC	HIẾN	26/11/92	DH10QL		5	Năm		
64	10124056	CAO VĂN	HIẾU	20/04/91	DH10QL		8	Tám		
65	10124057	LÊ THỊ	HOA	25/05/91	DH10QL		1	Một		
66	10124059	ĐOÀN MINH	HOÀNG	01/04/92	DH10QL		5	Năm		
67	10124060	HUỲNH CHÍ	HOÀNG	16/02/92	DH10QL		5	Năm		
68	10124061	NGUYỄN THANH	HOÀNG	28/08/92	DH10QL		5	Năm		
69	10124063	NGUYỄN THỊ KIM	HUỆ	01/01/92	DH10QL		3	Ba		
70	10124069	LÊ TRƯƠNG QUỐC	HÙNG	26/08/92	DH10QL		5	Năm		
71	10124070	TRẦN MẠNH	HÙNG	15/02/91	DH10QL		3	Ba		
72	10124064	TRƯƠNG THỊ TỐ	HUYÊN	04/08/91	DH10QL		2	Hai		
73	10124066	PHẠM THỊ THU	HUYỀN	07/11/92	DH10QL		5	Năm		
74	10124067	TRẦN ĐẶNG NGỌC	HUYỀN	29/09/92	DH10QL		8	Tám		
75	10124079	HOÀNG VĂN	HỮU	14/12/92	DH10QL		5	Năm		
76	10124080	TRẦN QUANG	KHẢI	13/11/92	DH10QL		1	Một		

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP.HCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

MẪU IN D1230

Danh Sách Sinh Viên Dự Thi

Điểm thi học kỳ
Học Kỳ 1 - Năm Học 12-13

Môn Học/Nhóm Rèn nghề 1- Trắc địa bản đồ ĐC (209901) - 01 Số Tín Chỉ: 1
CBCD Đinh Quang Vinh (839)
Ngày Thi / / Phòng Thi

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Tên lớp	Số Tờ	Đ.Số	Điểm Chữ	Chữ Ký	Ghi Chú
1	07333103	BÙI NGỌC	MINH	20/09/88	CD08CQ					Vắng
2	07151064	PHẠM TẤN	NHỰT	15/03/89	CD08CQ					Vắng
3	09333012	DƯƠNG THỊ HỒNG	ÁNH	20/07/90	CD09CQ		9	Chín		
4	09333187	ĐINH QUANG	HẬU	16/01/91	CD09CQ		9	Chín		
5	09333113	TRẦN HỒNG	PHƯỢNG	23/09/91	CD09CQ		7	Bảy		
6	09333137	LƯU HOÀNG THẠCH	THẢO	11/04/91	CD09CQ		2	Hai		
7	09333153	PHAN THỊ THANH	THÚY	16/06/89	CD09CQ					Vắng
8	09333160	ĐẶNG THỊ HUYỀN	TRÂN	24/12/91	CD09CQ		9	Chín		
9	10333006	NGUYỄN THỊ KIM	ANH	01/05/92	CD10CQ		1	Một		
10	10333119	ĐẶNG THỊ THÙY	DƯƠNG	17/03/92	CD10CQ		1	Một		
11	10333028	LÊ THANH	HẢI	10/08/91	CD10CQ		1	Một		
12	10333120	PHAN THỊ MỸ	HẠNH	29/03/92	CD10CQ		1	Một		
13	10333113	TRẦN THỊ BÍCH	HẠNH	16/12/91	CD10CQ		3	Ba		
14	10333162	NGUYỄN THỊ MỸ	HUỆ	10/08/92	CD10CQ		2	Hai		
15	10333046	LÊ THỊ	LÀI	29/07/92	CD10CQ		3	Ba		
16	10333131	LÝ HUYỀN	NHI	01/05/91	CD10CQ		1	Một		
17	10333108	HUỲNH AN	PHƯỚC	10/05/91	CD10CQ		2	Hai		
18	10333140	LÊ THỊ ÁI	THI	03/03/92	CD10CQ		2	Hai		
19	10333089	NGUYỄN THỊ	THÚY	20/07/92	CD10CQ		9	Chín		
20	10333081	MAI PHƯỚC	TÌNH	19/09/91	CD10CQ		1	Một		
21	10333091	ĐINH THỊ THÚY	TRANG	21/06/92	CD10CQ		3	Ba		
22	10333144	NGUYỄN NGỌC	TRÂM	28/03/92	CD10CQ		5	Năm		
23	10333105	BÙI THỊ TUYẾT	TRINH	19/01/92	CD10CQ		2	Hai		
24	10333106	TÔ THỊ	TUYỀN	02/07/91	CD10CQ		1	Một		
25	08124054	LÊ THỊ YẾN	NHI	02/10/90	DH08QL		6	Sáu		
26	07124114	TRẦN ĐÌNH	THỦ	21/11/89	DH08QL					Vắng
27	07124115	LÊ ĐĂNG	THUẬN	04/06/89	DH08QL					Vắng
28	09124002	TRẦN THỊ TRÂM	ANH	03/07/91	DH09QL		5	Năm		
29	09124003	HUỲNH CAO THỊ NGỌC	ÁNH	14/06/91	DH09QL		5	Năm		
30	09124143	HÀ SĨ	BỆ	31/01/88	DH09QL		5	Năm		
31	09124008	NGUYỄN THỊ NGỌC	DIỄM	10/04/91	DH09QL		5	Năm		
32	09124010	NGUYỄN SỸ	DŨNG	12/06/89	DH09QL		5	Năm		
33	09124009	VÕ THỊ MỸ	DUYÊN	29/04/91	DH09QL		5	Năm		
34	09124014	NGUYỄN VĂN	ĐƯỜNG	12/07/91	DH09QL		5	Năm		
35	09124034	NGUYỄN THỊ TUYẾT	KHA	19/02/91	DH09QL		5	Năm		
36	09124036	PHAN TRUNG	KHOA	06/11/91	DH09QL		5	Năm		